

Số: 31/CT/HĐQT

Gia Lai, ngày 16 tháng 7 năm 2013

**NGHỊ QUYẾT**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALY.**  
(V/v: Thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD 6 tháng đầu năm 2013,  
Phê duyệt kế hoạch quý III/2013)

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Quyết định số 936/QĐ/BXD ngày 03/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty xi măng Sông Đà-Tổng công ty Sông Đà thành Công ty cổ phần xi măng Sông Đà Yaly;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Biên bản cuộc họp ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Sông Đà Yaly;
- Kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD quý 6 tháng đầu năm và kế hoạch SXKD quý III năm 2013 của Công ty cổ phần xi măng Sông Đà Yaly.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1. Hội đồng quản trị phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD 6 tháng đầu năm 2013 với các chỉ tiêu chủ yếu sau :**

**1. Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	K.H năm 2013	Thực hiện quý II			6 tháng đầu năm	% Th năm
				Kế hoạch	TH	% Th		
I	Tổng giá trị sản lượng	10 <sup>6</sup> d	156.818	32.137	6.822	21,2%	16.093	10,3%
II	Tiêu thụ xi măng	Tấn	70.000	13.200	1.726	13,1%	4.916	7,0%
III	Kế hoạch tài chính							
1	Doanh thu	10 <sup>6</sup> d	153.192	31.495	5.354	17,0%	12.356	8,1%
2	Nộp Ngân sách & các khoản phải nộp khác	10 <sup>6</sup> d	5.470	1.366			1.120	
3	Lợi nhuận							
4	Vốn CSH	10 <sup>6</sup> d	39.946	33.134	30.257		30.257	
5	Vốn điều lệ	10 <sup>6</sup> d	45.000	45.000	45.000		45.000	
6	Tổng tài sản	10 <sup>6</sup> d	153.995	112.894	109.941		109.941	
7	Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH	lần	253,38%	251,18%	259,44%		252,50%	
IV	Lao động tiền lương							
1	Tổng số CBCNV	Người	260	260	248		254	
2	Tổng thu nhập của CBCNV	10 <sup>6</sup> d	8.736.000	2.184.000	1.562.400		3.245.400	37,1%
	Thu nhập bình quân tháng	10 <sup>3</sup> d	2.800	2.800	2.100		2.130	
V	Chỉ tiêu khối lượng chủ yếu							
1	Xây dựng công trình công nghiệp	10 <sup>6</sup> d	2.000					
2	SX & TT XM Sông Đà Yaly PCB40	tấn	28.000	6.000	1.958		7.037	

3	GC & TT xi măng Hạ Long	tấn	42.000	7.200			230
4	SX & TT đá xây dựng	m3	35.000	9.000	2.058		9.376
5	Khai thác và cung cấp cát	m3	12.000	2.400	20		290
6	Cung cấp dầu Diesel	Lít	970.000	290.000	14.000		14.000

## 2. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD Quý II và 6 tháng đầu năm:

Tình hình chung: Công tác SXKD của Công ty tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn do thị trường suy giảm, tất cả các chỉ tiêu kế hoạch đều không đạt. Cụ thể như sau:

### a) Công tác sản xuất và tiêu thụ xi măng

- Đơn vị luôn ở trong tình trạng thiếu vốn sản xuất không có tiền để mua NVL phục vụ SX do các đơn vị thi công nội bộ TCT Sông Đà nợ đọng, chiếm dụng vốn rất lớn (gấp 1,9 lần vốn CSH) từ tháng 4 năm 2012 cho đến nay. Trong khi đó, mua hàng từ các nhà cung cấp phải thanh toán ngay hoặc bảo lãnh có thời hạn của Ngân hàng;

- Giá NVL phục vụ SX sản phẩm tăng cao, giá thành cao làm giảm tính cạnh tranh về giá, do đó SP sản xuất ra không cạnh tranh được với các SP xi măng cùng loại khác, rất khó khăn trong công tác tiêu thụ;

### b) Kinh doanh vật tư, vận tải

- CTTĐ Xekaman 1 gặp khó khăn về vốn, tiến độ thi công liên tục lùi, giãn tiến độ thi công và đến hết tháng 6/2013 chủ đầu tư vẫn chưa tạm ứng được vốn nên tiến độ thi công cầm chừng nên khối lượng công việc của Công ty không đạt kế hoạch đã đề ra.

### c) Công tác sản xuất và tiêu thụ đá xây dựng

- Công tác tiêu thụ đá xây dựng tuy đã có tín hiệu tốt hơn nhưng vẫn gặp rất nhiều khó khăn, do sức mua tăng chưa nhiều.

## Điều 2. Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch nhiệm vụ SXKD quý III/2013 với các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	K.H năm 2013	Kế hoạch quý III			Ghi chú
				Tổng số	Tháng 07	Tháng 08	
I	Tổng giá trị sản lượng	10 <sup>6</sup> đ	156.818	38.976	10.484	14.313	14.180
II	Tiêu thụ xi măng	Tấn	70.000	14.000	4.000	5.000	5.000
III	Kế hoạch tài chính						
1	Doanh thu	10 <sup>6</sup> đ	153.192	38.416	10.194	14.103	14.120
2	Nợ Ngân sách & các khoản phải nộp khác	10 <sup>6</sup> đ	5.470	750	250	250	250
3	Lợi nhuận						
-	Lợi nhuận trước thuế (dự kiến)	10 <sup>6</sup> đ	2.462	300	100	100	100
-	Lợi nhuận sau thuế (dự kiến)	10 <sup>6</sup> đ	2.462	300	100	100	100
4	Vốn CSH	10 <sup>6</sup> đ	39.946	30.557	30.357	30.457	30.557
5	Vốn điều lệ	10 <sup>6</sup> đ	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
6	Tổng tài sản	10 <sup>6</sup> đ	153.995	110.241	110.041	110.141	110.241
7	Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH	lần	253,38%	256,90%	258,59%	257,74%	256,90%
IV	Lao động tiền lương						
1	Tổng số CBCNV	Người	260	248	248	200	200
2	Tổng thu nhập của CBCNV	10 <sup>3</sup> đ	8.736.000	1.620.000	620.000	500.000	500.000
	Thu nhập bình quân tháng	10 <sup>3</sup> đ	2.800	2.500	2.500	2.500	2.500
V	Chỉ tiêu khối lượng chủ yếu						
1	Xây dựng công trình công nghiệp	10 <sup>6</sup> đ	2.000				
2	SX & TT XM Sông Đà Yaly	tấn	28.000	5.000	2.000	1.500	1.500





PCB40							
3	GC & TT xi măng Hạ Long	tấn	42.000	9.000	2.000	3.500	3.500
4	SX & TT đá xây dựng	m <sup>3</sup>	35.000	8.000	3.000	3.000	2.000
5	Khai thác và cung cấp cát	m <sup>3</sup>	12.000	6.500	1.500	2.500	2.500
6	Cung cấp dầu Diesel	Lít	970.000	400.000	100.000	150.000	150.000

**Điều 3. Công tác triển khai kế hoạch SXKD Quý III:**

**3.1. Công tác sắp xếp tổ chức SXKD :**

- Tiếp tục sắp xếp, định biên lực lượng lao động gián tiếp;
- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ tiền lương cho lực lượng công nhân có tay nghề cao do thiếu việc làm để người lao động yên tâm gắn bó lâu dài với đơn vị.

**3.2. Công tác sản xuất kinh doanh:**

- Tìm kiếm nguồn Clinker xi măng lò quay có chất lượng ổn định phục vụ SX xi măng Sông Đà Yaly PCB 40;
- Phối hợp, thương thảo cùng với Công ty CP xi măng Hạ long để ký kết và thực hiện hợp đồng gia công;
- Tập trung mọi nguồn lực để đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời xăng dầu, xi măng các loại, cát tự nhiên đáp ứng yêu cầu của công trường;
- Sản xuất đá xây dựng đáp ứng đủ nhu cầu của thị trường.

**3.3. Công tác quản lý kinh tế, tài chính**

- Giải quyết dứt điểm các vấn đề kinh tế tồn tại tại tại TD Sè San 3, Sè San 4, Đắc Đoa, Xekaman 3;

**3.4 Công tác đầu tư**

Lập phương án cho tháo dỡ, nhượng bán thanh lý máy móc, trang thiết bị lò nung dây chuyền 82.000T/năm không còn nhu cầu sử dụng.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện nghị quyết:**

Hội đồng quản trị giao cho Tổng giám đốc Công ty căn cứ các nội dung trên triển khai thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty.

**Nơi nhận :**

- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Các PTGD Cty;
- CĐ, ĐTN Cty;
- Các phòng chức năng, đơn vị trực thuộc;
- Lưu Thư ký HĐQT.



**Khương Đức Dũng**